

Bản án số: **03/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 27/11/2019

Về việc: Tranh chấp về hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Cao Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Ngợi
2. Bà Vi Thị Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đàm Như Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST- HNGĐ, ngày 20/9/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Sầm Thị H (tên gọi khác Lý Thị H), SN 1971, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Lâm Bình do ông Ma Văn T - Giám đốc, đại diện theo pháp luật, có mặt tại phiên tòa.

Phòng dao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Bình do bà Hoàng Lê N - Phó giám đốc, đại diện theo ủy quyền, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Năm 2012 chị kết hôn với anh Đặng Văn H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới xong chị về chung sống với anh Đặng Văn H cùng với gia đình nhà chồng tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2016 vợ chồng chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, bản thân chị luôn bị chồng chửi bới, đánh đập, tình cảm ngày càng rạn nứt, phai nhạt theo thời gian. Anh H không chịu tu chí làm ăn, mãi mê chơi bời, chị góp ý thì lại sinh sự gây bạo lực gia đình, bản thân chị là phụ nữ phải chịu mọi hành hạ của chồng. Từ tháng 5 năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc đến nhau, chị đưa một con bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân này, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết được ly hôn với anh Đặng Văn H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con gái chung, cháu lớn là Đặng Thị M, sinh ngày 12/02/2012, hiện cháu đang ở cùng anh Đặng Văn H; cháu thứ hai Đặng Thị H, sinh ngày 13/10/2013, hiện nay cháu đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi cháu Đặng Thị H, anh H nuôi cháu Đặng Thị M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Hiện nay còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*). Tại phiên tòa sơ thẩm chị tự nguyện trả nợ cùng anh Hiện cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền 10.500.000đ (*mười triệu năm trăm nghìn đồng*).

Đối với khoản vay 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) và lãi suất phát sinh, anh Hiện đã vay trước khi đăng ký kết hôn, chị không được sử dụng cùng, không có liên quan gì, do vậy chị yêu cầu anh Đặng Văn H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tại các biên bản lấy lời khai, hòa giải, anh Đặng Văn H trình bày:

Năm 2012 anh kết hôn với chị Đặng Thị T, trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu và gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, sau đó chị Thìn về chung sống cùng anh và gia đình. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị T có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh không nhất trí ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh nhất trí ly hôn với điều kiện chị T phải có trách nhiệm trả nợ 30.000.000đ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con gái chung, cháu lớn là Đặng Thị M, sinh ngày 12/02/2012, hiện cháu đang ở cùng anh; cháu thứ hai tên là Đặng Thị H, sinh ngày 13/10/2013, hiện nay cháu đang ở cùng chị T. Anh nhất trí nuôi cháu M, chị T nuôi cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung:

Ngày 02/3/2016 vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện L 50.000.000đ, anh H nhận trách nhiệm trả nợ.

Ngày 15/3/2017 vay đảo sổ Ngân hàng chính sách xã hội huyện L 30.000.000đ, anh H yêu cầu chị T phải có trách nhiệm trả nợ khoản này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 37, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị T, cho chị Thìn được ly hôn với anh Đặng Văn H.

Về con chung: Giao cháu Đặng Thị M, sinh ngày 12/02/2012 cho anh Đặng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Thị H, sinh ngày 13/10/2013 cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền đi lại thăm chăm sóc con chung.

Về nợ chung: Anh Đặng Văn H phải có trách nhiệm và nghĩa vụ tiếp tục thanh toán trả nợ số tiền gốc 50.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L; Đối với số tiền 30.000.000đ vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, chị T có trách nhiệm trả nợ gốc số tiền 10.500.000đ; anh Đặng Văn H có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc còn lại 19.500.000đ cùng lãi phát sinh đến kỳ hạn thanh toán.

Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 70, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L trình bày ý kiến: Nhất trí với ý kiến của chị Đặng Thị T tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đặng Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền 10.500.000đ; đối với số dư nợ còn lại yêu cầu Đặng Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện L trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Đặng Văn H phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000đ và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Đặng Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do vậy được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã ở mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của xin ly hôn của chị Đặng Thị T đối với anh Đặng Văn H.

[2] Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Đặng Văn H có 02 con chung là cháu Đặng Thị M, sinh ngày 12/02/2012, hiện đang ở cùng anh H và cháu Đặng Thị H, sinh ngày 13/10/2013, còn nhỏ đang ở cùng chị T. Xét nguyện vọng của cháu Đặng Thị M là được ở cùng bố, cũng như căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của các cháu vẫn đảm bảo khi ở với bố hoặc mẹ. Do đó, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu M là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị T, anh H không đề nghị xem xét giải quyết nên không xem xét.

[4] Về vay nợ chung: Đối với khoản vay 50.000.000đ và lãi suất phát sinh do anh Đặng Văn H đứng tên vay trước thời điểm kết hôn, bởi vì thời gian đó anh H và chị T mâu thuẫn nên chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, đến tháng 4/2016 chị mới về chung sống với anh H, do vậy chị Đặng Thị T không được sử dụng khoản vay đó nên không có nghĩa vụ phải trả nợ cùng anh H là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bà Sầm Thị H ký vào giấy ủy quyền ngày 29/02/2016, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Sầm Thị H nhưng bà H không biết chữ và không thừa nhận được ký vào giấy ủy quyền nêu trên, anh H là người sử dụng toàn bộ số tiền vay, bà H không biết và không được sử dụng số tiền đó, do

vậy không có căn cứ buộc bà Sầm Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng cùng anh H. Việc anh Đặng Văn H nhận trả nợ số tiền gốc 50.000.000đ và lãi phát sinh là phù hợp.

Đối với khoản vay 30.000.000đ và lãi suất phát sinh, có nguồn gốc ngày 26/6/2012 bà Sầm Thị H đứng tên vay 8.000.000đ mục đích mua trâu sinh sản. Tuy nhiên do không trả được nợ, Ngân hàng chính sách xã hội nhất trí cho anh Đặng Văn H đứng tên vay đảo sổ và đã trả nợ tiền gốc 8.000.000đ và một khoản lãi 1.000.000đ. Như vậy khoản vay này anh Đặng Văn H và chị Đặng Thị T có sử dụng chung là 21.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm chị Đặng Thị T tự nguyện nhận trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền là 10.500.000đ. Xét thấy việc tự nguyện trả nợ của chị T là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với bà Sầm Thị H là người đứng tên vay 8.000.000đ với mục đích sử dụng chung cho cả gia đình là mua trâu sinh sản, nhưng do trâu bị chết và năm 2013 đến nay bà Sầm Thị H đi lấy chồng ở xã Y, huyện H và để lại toàn bộ tài sản (bao gồm nhà đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Đặng Văn H trực tiếp quản lý, sử dụng, định đoạt). Do vậy anh Đặng Văn H có trách nhiệm trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền còn lại là 19.500.000đ và lãi suất phát sinh là đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 37, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 70, 143, 144, 147, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Đặng Văn H.
2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị M, sinh ngày 12/02/2012 cho anh Đặng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đặng Thị H, sinh ngày 13/10/2013 cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ trả nợ:

Anh Đặng Văn H có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L số tiền gốc 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) và lãi suất phát sinh.

Đối với khoản nợ 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L: Anh Đặng Văn H có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là 19.500.000đ (*mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) và lãi suất phát sinh.

Chị Đặng Thị T có nghĩa vụ trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền gốc là 10.500.000đ (*mười triệu năm trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006177 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/11/2019; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- T.H.A dân sự huyện L;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Cao Tiến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tấn Ngợi - Vi Thị Nhâm

Hoàng Cao Tiến